

Số: 58 /2024/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 06 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch,
phương án phát triển sản xuất thuộc các chương trình
mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai gồm:

1. Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.
2. Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng

1. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng:
 - a) Cộng đồng dân cư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng đến Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai (<https://dichvucong.gialai.gov.vn>).
 - b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định để tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng. Sau khi thẩm định nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Tổ thẩm định tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì

trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Tổ thẩm định phải thông báo và nêu rõ lý do để cộng đồng dân cư biết triển khai thực hiện.

c) Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ do Tổ thẩm định trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.

2. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng gồm:

a) Đảm bảo đầy đủ các quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

b) Phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi triển khai dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng; phù hợp với lợi thế, thế mạnh của cộng đồng; đảm bảo tính hiệu quả, bền vững.

c) Đảm bảo nguyên tắc bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.

3. Mẫu hồ sơ gồm:

a) Biên bản họp dân: Thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng (gồm: kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi tiết theo từng hoạt động, phần đóng góp của các thành viên thuộc cộng đồng dân cư; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có); kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có)): Thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:

a) Chủ trì dự án, kế hoạch liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đến Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Bộ phận

Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Bureau chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai (<https://dichvucong.gialai.gov.vn.>).

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Sau khi thẩm định nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Hội đồng thẩm định tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định phải thông báo và nêu rõ lý do để chủ trì dự án, kế hoạch liên kết biết triển khai thực hiện.

c) Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ do Hội đồng thẩm định trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gồm:

a) Đảm bảo đầy đủ các quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).

b) Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thực tiễn của địa phương hoặc phù hợp với định hướng cơ cấu các ngành của địa phương.

c) Nội dung đề nghị hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với từng chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Mẫu hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị: Thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

b) Dự án, kế hoạch liên kết yêu cầu các thông tin gồm: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên quan; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán kinh phí chi tiết theo năm kế hoạch; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; dự kiến các rủi ro, giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có): Thực hiện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

c) Biên bản thỏa thuận: Thực hiện theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện xây dựng các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo đúng trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ tại Quyết định này; tổng hợp, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các nội dung liên quan đến Quyết định này.

2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện xây dựng các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo đúng trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ tại Quyết định này.

3. Ban Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện xây dựng các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; dự án, phương án sản xuất, dịch vụ cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo đúng trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ tại Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn xây dựng dự án, kế hoạch liên kết; dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo theo Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã: Cập nhật, tuyên truyền trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết; dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia cho các cá nhân, đơn vị có nhu cầu tham gia xây dựng các dự án, kế hoạch liên kết; dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng trên địa bàn cấp xã.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16. tháng 11. năm 2024

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

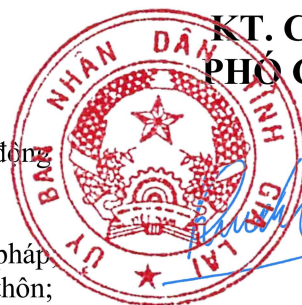
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 1 a.

- Như khoản 4, Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Các bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thành viên Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KHTH, KGVX, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Mah Tiệp



Phụ lục

San hành tēm theo Quyết định số 58.../2024/QĐ-UBND ngày 06.../11.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Phụ lục I

(BIÊN BẢN HỌP DÂN)

UBND CẤP XÃ.....
Thôn/Làng.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm, tại.....(ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/làng..... tổ chức họp để:.....(nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự: (ghi rõ họ tên, chức danh người chủ trì, thư ký cuộc họp); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia).

- Đại diện UBND cấp xã:

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

- Đại diện Thôn, làng:

Ông/Bà:..... Chức vụ: Trưởng thôn/làng (chủ trì cuộc họp).

Ông/Bà:.....(Thư ký cuộc họp).

Tổng số hộ dân/..... hộ dân tham gia.

2. Nội dung cuộc họp:

- Phổ biến dự án: Tên dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng, cơ chế quay vòng vốn (nếu có).

- Thành lập tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án (áp dụng đối với thôn làng chưa có tổ/nhóm cộng đồng): Thành lập tổ/nhóm cộng đồng, bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên. (Thành lập tổ cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc

thiếu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi).

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/nhóm cộng đồng) tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồngdo ông bà.....

- Tổ trưởng/trưởng nhóm làm đại diện. Tổ nhóm cộng đồng.....gồm.....thành viên, có danh sách cụ thể như sau:

3. Danh sách thành viên tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án:

STT	Tên thành viên tham gia dự án	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo,..)	Số căn cước công dân/ngày cấp/nơi cấp	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Đối ứng của hộ (triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi nhận

Cuộc họp kết thúc vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm....., nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và các thành phần đều nhất trí nội dung biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng...../.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện tổ/nhóm cộng đồng
Tổ trưởng/ trưởng nhóm
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(Trưởng thôn/ làng)
(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục II

(DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, DỊCH VỤ CỦA CỘNG ĐỒNG)

**TÊN TỔ/ NHÓM
CỘNG ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, DỊCH VỤ CỦA CỘNG ĐỒNG ¹

.....
.....

I. THÔNG TIN CHUNG:

- 1. Đại diện tổ/nhóm cộng đồng:.....
- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax..... Email:.....
- Tài khoản:....., tại Ngân hàng:.....

2. Sơ lược về tình hình chung của nhóm, tổ hợp tác (quá trình thành lập, tình hình kinh tế của các thành viên, các đối tượng tham gia, số hộ nghèo, số hộ cận nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo).....
.....

3. Tổng quan về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hoặc các loại hình dịch vụ của cộng đồng và sự cần thiết xây dựng dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.....
.....

4. Mục tiêu dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng:.....
.....
.....

5. Thời gian, địa điểm thực hiện:.....
.....

¹ Tên cụ thể dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng do Tổ, nhóm cộng đồng lựa chọn thực hiện.

6. Tổng kinh phí dự án, cơ cấu nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia....., vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có), đối ứng của đối tượng tham gia nhóm hộ, tổ hợp tác)

.....
.....

7. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có):.....

.....

8. Kết quả thực hiện dự án:.....

.....

9. Hình thức, tỷ lệ quay vòng vốn (nếu có)

.....

10. Nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật:.....

.....

11. Các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có):.....

.....

12. Nội dung khác (nếu có):.....

.....

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ:

- Sản phẩm thực hiện:.....

- Quy mô thực hiện:.....

- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi thực hiện:.....

- Hình thức thực hiện:.....

- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia thực hiện (cần thể hiện bằng các hợp đồng kinh tế):.....

- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm:.....

.....

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ (*ngân sách Nhà nước hỗ trợ, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách*).
.....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia nhóm hộ, tổ hợp tác (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm nếu có).
.....

.....

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả đạt được theo năm ngân sách và thời điểm kết thúc; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị phối hợp:

.....

Hiệu quả về mặt xã hội, kinh tế, môi trường:

.....

Hình thức luân chuyển, mức quay vòng vốn trong cộng đồng (nếu có):.....

.....

V. CAM KẾT THỰC HIỆN

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực:.....

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

.....

VI. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

.....

.....

VII. KIẾN NGHỊ

.....

.....

UBND CẤP XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN TỔ/NHÓM

CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)